

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án đấu giá thuê rừng trên diện tích đã
cho thuê đất thuộc dự án của Công ty TNHH Công Long,
trên địa bàn huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu giá năm 2016;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính
quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá
tài sản;*

*Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính
quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phương pháp định giá rừng;*

*Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính
sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5
năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo
quy định tại Luật Đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND
tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định Khung giá các loại rừng trên địa bàn
tỉnh Đắk Nông;*

*Căn cứ Quyết định số 453/QĐ-CTUBND ngày 05/04/2007 của Chủ tịch
UBND tỉnh Đắk Nông về việc cho Công ty TNHH giống cây trồng Công Long
thuê 274,3 ha đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất giống nông lâm nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 02/11/2007 của UBND tỉnh
Đắk Nông về việc điều chỉnh Điều 1, Quyết định số 453/QĐ-CTUBND ngày
05/04/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông;*



Căn cứ Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh Khoản 2, Điều 1, Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 02/11/2007 của UBND tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 22/5/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh Điều 1, Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của UBND tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 233/TTr-SNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 và Công văn số 313/SNN-KL ngày 15 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án đấu giá thuê rừng trên diện tích đã cho thuê đất thuộc dự án của Công ty TNHH Công Long (tại Khoảnh 9, 10, 11 – Tiểu khu 1570) huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (có phương án kèm theo).

Điều 2.

1. Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp và UBND huyện Tuy Đức căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện các nội dung công việc liên quan thuộc thẩm quyền; hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức đấu giá thuê rừng tại Phương án nêu trên đảm bảo hiệu quả và đúng quy định pháp luật.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức thực hiện việc đấu giá thuê rừng theo đúng quy định pháp luật.
- Sau khi có kết quả đấu giá, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kết quả đấu giá thuê rừng, ban hành quyết định thuê rừng; ký hợp đồng thuê rừng; bàn giao tài sản cho đơn vị trúng đấu giá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.


Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức; Giám đốc Công ty TNHH Công Long và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, NNTNMT(Thi).

03

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên

PHƯƠNG ÁN

Đấu giá thuê rừng trên diện tích đã cho thuê đất thuộc dự án của Công ty TNHH Công Long, trên địa bàn huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông
(Kèm theo Quyết định số 238 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

1. Vị trí, diện tích khu đất thực hiện đấu giá thuê rừng

- Vị trí: Tại Khoảnh 9, 10, 11 – Tiểu khu 1570, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (diện tích đã cho Công ty TNHH Công Long thuê đất).

- Tổng diện tích: 119,28 ha (trong đó: 112,3 ha thuộc quy hoạch quản lý bảo vệ rừng theo Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 22/5/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông, 6,98 ha thuộc quy hoạch trồng cao su nhưng chưa triển khai còn rừng tự nhiên theo Biên bản kiểm tra của Đoàn liên ngành ngày 09/9/2022).

2. Mục đích, hình thức, thời hạn thuê rừng

- Mục đích sử dụng rừng: Thực hiện quản lý, bảo vệ, sử dụng rừng theo quy định pháp luật và dự án được cơ quan chức năng thẩm định.

- Hình thức thực hiện thuê rừng: Nhà nước cho thuê rừng thông qua đấu giá công khai theo quy định của pháp luật.

- Thời hạn thuê rừng: Theo Khoản 6 Điều 14 Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định “*thời hạn, hạn mức giao rừng, cho thuê rừng phù hợp với thời hạn, hạn mức giao đất, cho thuê đất*”, theo Hợp đồng thuê đất số 47/HĐTD ngày 28/11/2007 thời gian thuê đất của Công ty TNHH Công Long là 50 năm (kể từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2057), thời gian thuê đất còn lại là 34 năm; vì vậy, thời gian thuê rừng là 34 năm.

3. Dự kiến thời gian tổ chức thực hiện đấu giá thuê rừng

Thời gian tổ chức đấu giá: Quý I năm 2023 đến khi thực hiện công tác đấu giá thành công theo quy định.

4. Đối tượng, điều kiện tham gia đấu giá

a) Đối tượng

Các tổ chức đủ điều kiện để tham gia đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản và thuộc đối tượng được thuê rừng theo quy định của pháp luật về Lâm nghiệp.

b) Điều kiện tham gia đấu giá

Các đối tượng được tham gia đấu giá khi có đủ các điều kiện sau:

- Có đơn đề nghị tham gia đấu giá (theo mẫu đơn do đơn vị tổ chức đấu giá phát hành).

- Cam kết quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, sử dụng rừng đúng quy hoạch dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt nếu trúng đấu giá.

- Có năng lực tài chính và nguồn nhân lực để triển khai dự án; việc thuê rừng thực hiện đồng bộ với thuê đất.

- Phải có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

Những người được tham gia đấu giá là tổ chức có đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và thuộc đối tượng được nhà nước cho thuê rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017.

c) Những đối tượng sau đây không được đăng ký tham gia đấu giá

Những đối tượng thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và không thuộc đối tượng tại Điểm a mục này.

5. Đăng ký tham gia đấu giá

a) Tổ chức đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ và tiền đặt trước cho tổ chức đấu giá tài sản theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và quy định khác của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp pháp luật có quy định về điều kiện khi tham gia đấu giá thì người tham gia đấu giá phải đáp ứng điều kiện đó. Người tham gia đấu giá có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mặt mình tham gia đấu giá.

b) Tổ chức đấu giá tài sản bán hồ sơ tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá trong giờ hành chính, liên tục kể từ ngày niêm yết việc đấu giá tài sản cho đến trước ngày mở cuộc đấu giá 02 ngày.

c) Ngoài các điều kiện đăng ký tham gia đấu giá quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan, tổ chức đấu giá tài sản không được đặt thêm yêu cầu, điều kiện đối với người tham gia đấu giá.

6. Hình thức trả tiền thuê rừng; giá khởi điểm; tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá; mức phí tham gia đấu giá; và bước giá

a) Hình thức trả tiền thuê rừng: Trả tiền hàng năm theo quy định tại Điều 17 Luật Lâm nghiệp.

b) Giá khởi điểm

Theo Báo cáo Đề án xây dựng khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021, ban hành quy định Khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giá cho thuê rừng đối với rừng tự nhiên là rừng sản xuất trên địa bàn huyện Tuy Đức có khung giá thuê rừng hàng năm là 543.000 đồng/ha đến 782.000 đồng/ha, giá trung bình là 662.500 đồng/ha.

Giá khởi điểm đấu giá thuê rừng tại Khoản 9, 10, 11 – Tiểu khu 1570, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông: Áp dụng mức giá thuê rừng

trung bình của khung giá thuê rừng hàng năm là 662.500 đồng/ha với diện tích 119,28 ha rừng tự nhiên, vậy giá khởi điểm đấu giá cho thuê rừng hàng năm của đơn vị là 79.023.000 đồng/năm (*Bảy mươi chín triệu, không trăm hai mươi ba nghìn đồng*), tương ứng giá thuê rừng với thời gian 34 năm là 2.686.782.000 đồng (*Hai tỷ, sáu trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

c) Khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá

- Thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

- Người tham gia đấu giá phải nộp cho đơn vị tổ chức bán đấu giá một khoản tiền đặt trước bằng 10% giá khởi điểm của tài sản đăng ký tham gia đấu giá, tương đương 2.686.782.000 đồng x 10% = 268.678.000 đồng.

- Hình thức và thời gian nộp tiền đặt trước được quy định cụ thể tại Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và được thông báo cụ thể trong thông báo đấu giá.

- Người tham gia đấu giá không được nhận lại tiền đặt trước trong các trường hợp sau đây:

+ Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc đấu giá, buổi công bố giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng;

+ Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều 9 Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

+ Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại Khoản 3 Điều 44 Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

+ Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 50 Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

+ Từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

+ Vi phạm các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Xử lý trường hợp không được nhận lại tiền đặt trước như sau: Nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định, sau khi trừ chi phí đấu giá thuê rừng.

d) Mức phí tham gia đấu giá

Phí hồ sơ tham gia đấu giá là 500.000 đồng/01 bộ hồ sơ (*năm trăm nghìn đồng trên một bộ hồ sơ*) theo quy định tại Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính.

e) Bước giá

Bước giá trong quá trình thực hiện đấu giá thuê rừng là 1% giá khởi điểm, tương đương 2.686.782.000 đồng x 1% = 26.867.820 đồng.

7. Hình thức đấu giá được áp dụng khi thực hiện cuộc đấu giá

a) Hình thức đấu giá: Thực hiện theo quy định Khoản 1 Điều 40 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

b) Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

8. Nguồn kinh phí, chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá

a) Nguồn kinh phí tổ chức thực hiện đấu giá

Quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản, đối với trường hợp cuộc đấu giá do tổ chức đấu giá tài sản:

- Tiền thu được từ việc đấu giá thuê rừng.
- Số tiền thu được từ tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá thuê rừng.
- Tiền đặt trước (*nếu có*) của người tham gia đấu giá không được nhận lại quy định tại Khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.
- Dự toán ngân sách nhà nước giao cho Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*trong trường hợp nguồn kinh phí nêu trên không đủ chi trả cho hoạt động đấu giá thuê rừng, đấu giá không thành*).

b) Chi phí tổ chức thực hiện đấu giá

- Chi phí trả thù lao đơn vị thực hiện đấu giá tài sản: Thanh toán phí tổ chức cuộc đấu giá theo quy định của pháp luật và theo hợp đồng giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với đơn vị, cụ thể như sau:

+ Thù lao dịch vụ trường hợp đấu giá thành toàn bộ: Chi phí trả thù lao cho tổ chức bán đấu giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính;

+ Thù lao dịch vụ trường hợp đấu giá không thành toàn bộ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh để thanh toán chi phí niêm yết, thông báo và các chi phí thực tế hợp lý khác theo quy định cho đơn vị thực hiện đấu giá tài sản.

- Các chi phí khác phục vụ cho việc tổ chức bán đấu giá.

(*Chi tiết có bảng biểu kèm theo*).

9. Dự kiến giá trị thu được và đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả đấu giá

a) Dự kiến giá trị thu được tối thiểu:

- Hàng năm: 79.023.000 đồng/năm (*Bảy mươi chín triệu, không trăm hai mươi ba nghìn đồng*).

- Tổng 34 năm: 2.686.782.000 đồng (*Hai tỷ, sáu trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

b) Sử dụng nguồn thu từ kết quả đấu giá thuê rừng

- Chi trả các chi phí liên quan đến việc tổ chức bán đấu giá.
- Số tiền còn lại nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

10. Lựa chọn tổ chức đấu giá thuê rừng

Việc lựa chọn tổ chức đấu giá thuê rừng thực hiện theo quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và Thông tư Liên tịch số 02/2022/TT- BTP ngày 08/2/2022 của Bộ Tư Pháp.

11. Ký hợp đồng dịch vụ đấu giá thuê rừng

Thực hiện theo quy định tại Điều 33 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

12. Quy chế cuộc đấu giá, nguyên tắc đấu giá: Thực hiện theo quy định Điều 6, Điều 34 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

13. Niêm yết, thông báo công khai việc đấu giá: Thực hiện theo quy định Điều 35, Điều 57 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

14. Xem tài sản và địa điểm đấu giá: Thực hiện theo quy định Điều 36, Điều 37 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

15. Quyền, nghĩa vụ của người trúng đấu giá:

a) Tổ chức trúng đấu giá thuê rừng có các quyền sau đây:

- Được cấp Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá thuê rừng.
- Được ký hợp đồng thuê rừng.
- Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức trúng đấu giá thuê rừng có trách nhiệm:

- Nộp tiền trúng đấu giá thuê rừng và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- Tiền trúng đấu giá thuê rừng được thu hàng năm sau khi ký hợp đồng thuê rừng; số tiền đặt trước được khấu trừ cho việc thuê rừng những năm tiếp theo của đơn vị.

- Thực hiện quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, sử dụng rừng đúng quy hoạch dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

16. Xử lý trước, trong và sau cuộc đấu giá

- Trường hợp hết thời hạn thông báo đấu giá không có tổ chức nào nộp đơn tham gia đấu giá theo quy định thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND tỉnh xin gia hạn thời gian bán đấu giá.

- Trường hợp tổ chức trúng đấu giá nhưng rút lại giá đã trả hoặc từ chối kết quả trúng đấu giá sau khi đấu giá viên công bố kết quả thì chọn tổ chức có giá cao liền kề.

17. Trường hợp rút lại giá đã trả, giá đã chấp nhận; Từ chối kết quả trúng đấu giá; Đấu giá không thành

Thực hiện theo quy định tại Điều 50, Điều 51, Điều 52 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

18. Tổ chức thực hiện

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức thực hiện việc đấu giá thuê rừng theo đúng quy định pháp luật.
- Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kết quả đấu giá thuê rừng, ban hành quyết định thuê rừng; ký hợp đồng thuê rừng; bàn giao rừng cho người trúng đấu giá.

b) Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổng hợp các hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, xét chọn hồ sơ đủ điều kiện trước khi tổ chức bán đấu giá.

- Tổ chức lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và các quy định của pháp luật liên quan.

- Ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức đấu giá tài sản theo quy định và giám sát quá trình tổ chức đấu giá.

- Lập hồ sơ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh công nhận kết quả trúng đấu giá thuê rừng.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan để lập đầy đủ thủ tục trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thuê rừng; ký hợp đồng thuê rừng; phối hợp bàn giao tài sản cho người trúng đấu giá; lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Sở Tài chính để chi trả chi phí liên quan.

c) Tổ chức đấu giá tài sản

- Thực hiện trình tự đấu giá tài sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

- Tổ chức thực hiện các thủ tục, các quy trình để đấu giá thuê rừng trên theo quy định của pháp luật. Đồng thời, ngay sau khi kết thúc cuộc bán đấu giá, đơn vị có trách nhiệm thông báo kết quả đấu giá về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo, trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả theo quy định Điều 45 Luật Đấu giá tài sản.

d) Các đơn vị có liên quan: Sở Tài Nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Sở Tài Chính, Cục thuế tỉnh, UBND huyện Tuy Đức phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan trong việc tổ chức thực hiện việc đấu giá hoàn thiện hồ sơ thuê rừng trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định pháp luật.

Trường hợp chủ dự án đã được UBND tỉnh cho thuê đất tại Dự án nêu trên không trúng đấu giá thuê rừng thì các Ngành có trách nhiệm cụ thể như sau: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xử lý vấn đề về lâm nghiệp; Sở Tài nguyên và Môi trường xử lý về vấn đề đất đai, môi trường; Sở Tài chính xử lý vấn đề tài chính, tài sản; Sở Kế hoạch và Đầu tư xử lý vấn đề về đầu tư; Sở Tư pháp hướng dẫn các vấn đề pháp lý liên quan khi chủ dự án đã được cho thuê đất nhưng không trúng đấu giá thuê rừng trên đất theo quy định.

Trên đây là Phương án đầu giá thuê rừng trên diện tích đã cho thuê đất thuộc dự án của Công ty TNHH Công Long (tại Khoản 9, 10, 11 – Tiểu khu 1570) huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông./.



DỰ TOÁN CHI CÔNG TÁC ĐÁU GIÁ THUÊ RỪNG CÔNG TY TNHH CÔNG LONG

Lương cơ sở (vnd): 1.490.000

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Định mức (công)	Tổng số công	Hệ số lương	Lương ngày	Đơn giá (Đông)	Tổng tiền	Mã định mức	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Tổng chi phí liên quan đến hoạt động đấu giá thuê rừng (Điều 12, Thông tư 48/2017/TT-BTC)											
1	Chi phí rà soát diện tích rừng hiện còn										
a	Công tác chuẩn bị				25,0				18.497.137		
-	Thu thập tài liệu, bản đồ có liên quan	Công/CT	1	15	15,0	3,33	225.532		4.287.136,36	M.1-1.1-a	Theo định mức lao động điều tra cơ bản, điều tra chuyên đề
-	Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật, đời sống	Công trình	1	10	10,0	3	203.182		2.031.818	M.1-1.1-a	theo Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/02/2007 của Bộ NN&PTNT
b	Công tác ngoại nghiệp				25,60		-		6.415.459		Phụ lục 01
-	Sơ thám	Xã	1	10	10,0	4,65	314.931,82		3.149.318	M.1-1.1-b	Thông tư 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài
-	Khoanh vẽ bổ sung hiện trạng rừng	Công trình	1	15	15,0	3	203.182		3.047.727	M.1-1.1-b	Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính.
-	Hoàn chỉnh số liệu bản đồ ngoại nghiệp	ha	119	0,005	0,6	5,42	367.082		218.414	M.1-1.1-b	
c	Công tác nội nghiệp				22,0		-		6.928.500		
-	Phân tích số liệu	Công trình	1	22	22,0	4,65	314.932		6.928.500	M.1-1.1-c	
d	Phục vụ (1/15 công: Ngoại + Nội nghiệp)	Công			3,2	4,03	272.941		866.042	M.1-1.1-d	
2	Chi trả thù lao dịch vụ đấu giá cho tổ chức đấu giá theo hợp đồng dịch vụ đấu giá (căn cứ PL01 TT108/2020/TT-BTC) tạm tính										
3	Chi phí bàn giao rừng cho đơn vị trúng đấu giá	Công/CT			6,0				22.640.000		
4	Chi phí khác liên quan đến việc bán đấu giá: Chi phí văn phòng phẩm: (Sổ, bút, giấy, mực...), Chi phí xăng xe, nước uống..						200000		1.200.000		
									2.000.000		